**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Môn: Tiếng Việt – Lớp 3**

**Giáo viên: Đặng Thanh Huyền**

**Ngày soạn: 07/10/2024**

**Ngày dạy: 10/10/2024**

**TIẾNG VIỆT**

**LUYỆN TẬP: TỪ CHỈ ĐẶC ĐIỂM. CÂU NÊU ĐẶC ĐIỂM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nắm được từ chỉ đặc điểm với 3 nhóm nhỏ: Từ chỉ đặc điểm về màu sắc, âm thanh, hương vị.

- Biết sử dụng nhóm từ này để hoàn thiện câu.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ. Lắng nghe, viết bài đúng, kịp thời và hoàn thành các nội dung trong SGK. Tham gia trò chơi, vận dụng. Tham gia làm việc nhóm trong các hoạt động học tập. Chăm chỉ viết bài, trả lời câu hỏi. Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. GV: Bài giảng Power point. Các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

2. HS: SGK, vở.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu: (2’)** | |
| - GV cho HS nghe bài hát “ Đường và chân là đôi bạn thân” kết hợp với vận động.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS vận động theo nhạc |
| **2. Luyện tập thực hành: (30’)** | |
| **2.1. Hoạt động 1: Luyện từ và câu (làm việc nhóm đôi, nhóm 4)**  **Bài 1: Tìm từ chỉ đặc điểm của con đường.**  - GV mời cầu HS đọc yêu cầu bài 1.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm làm việc:  - Mời đại diện nhóm trình bày.  - Mời các nhóm nhận xét, bổ sung.  - Nhận xét, chốt đáp án.  **- GV chốt:** *Ngoài các từ chỉ đặc điểm của con đường có trong bài (mấp mô, lầy lội, trơn trượ)t. Cô còn giới thiếu cho các em các từ cũng chỉ đặc điểm của con đường: (bằng phẳng, rộng rãi, thoáng đãng, thênh thang, gồ ghề, khúc khuỷu, hẹp, nhỏ, gập ghềnh,...)*  **Bài 2: Tìm thêm các từ chỉ đặc điểm cho mỗi nhóm dưới đây và đặt câu với 2-3 từ ngữ tìm được. (Thảo luận nhóm 4)**  - GV mời HS nêu yêu cầu bài tập 2.  - GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận nhóm và hoàn thành vào phiếu bài tập.  - Mời HS đọc đáp án.  - Mời HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung.  *+ Từ ngữ chỉ màu sắc: đỏ thắm, vàng hoe, đen xì, tím tái, xanh biếc, trắng tinh.*  *+ Từ ngữ chỉ âm thanh: xôn xao, ầm ầm, róc rách, lao xao, tí tách, vi vu...*  *+ Từ ngữ chỉ hương vị: thơm ngát, cay nồng, đắng ngắt, ngọt lịm, mặn chát, chua lè,..*  - GV cho ví dụ đặt câu với từ ngữ ở trên.  **Bài 3:** Chọn từ chỉ đặc điểm trong khung thay cho ô vuông(làm việc cá nhân)    - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 3.  - GV giao nhiệm vụ làm việc.  - GV mời hs trình bày kết quả.  - GV yêu cầu nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án  *Buổi sáng, Nam đạp xe tới trường trên con đường quen thuộc. Hè đã sang mấy cành phượng vĩ nở hoa* ***đỏ rực****. Tiếng ve kêu* ***râm ran*** *giữa những tán lá sấu* ***xanh um****. Gần đến trường, khung cảnh* ***nhộn nhịp*** *hẳn lên. Mấy em bé lớp 1 chia tay mẹ vào lớp, vừa đi vừa ngoái lại: “Mẹ ơi, chiều mẹ đón con* ***sớm*** *nhé!”* | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1  - HS làm việc theo nhóm 2.  - Đại diện nhóm trình bày.  + ... có trong bài học: *mấp mô, lầy lội, trơn trượt*  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  - HS quan sát, bổ sung.  - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.    - HS suy nghĩ, làm bài.  - Một số HS trình bày kết quả.  - HS nhận xét bạn.  + Hai bên đường nhà em nở đầy những bông hoa phượng đỏ thắm.  + Vào rừng, em nghe thấy tiếng suối chảy róc rách.  + Những múi mít mật ngọt lịm.  - HS nhận xét bạn.  - HS đọc yêu cầu bài tập 3.  - HS làm việc theo yêu cầu.  - HS trình bày.  - HS nhận xét.  - Theo dõi bổ sung. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm: (3’)** | |
| - GV cho HS đặt 1 câu với các từ ngữ vừa ở 3 bài trê.  - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. | - HS thực hiện.  - HS lắng nghe, về nhà thực hiện. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  ....................................................................................................................................  ....................................................................................................................................  .................................................................................................................................... | |